

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kế toán

Mã ngành: 8.34.03.01

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Áp dụng từ năm tuyển sinh: 2024

Thái Nguyên, 2024

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	CĐR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	CTDH	Chương trình dạy học

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN, SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG/KHOA.....	2
1. Triết lý giáo dục.....	2
2. Tầm nhìn, sứ mạng	2
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
I. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs).....	2
1.1. Mục tiêu chung.....	2
1.2. Mục tiêu cụ thể	2
II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs).....	2
III. Các ma trận thể hiện mối quan hệ	5
3.1 Ma trận tương thích giữa mục tiêu với Triết lý giáo dục của Nhà trường.....	5
3.2. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.....	6
3.3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	6
3.4. Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Khung trình độ Quốc gia.....	9
3.5. Tương thích giữa CDR CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến của cựu người học.....	10
4. Chuẩn đầu vào của CTĐT	10
4.1. Yêu cầu về văn bằng.....	10
4.2. Yêu cầu về ngoại ngữ	10
4.3. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.....	11
5. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	12
5.1. Quá trình đào tạo	12
5.2. Điều kiện tốt nghiệp	12
D. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	13
1. Cấu trúc CTDH.....	13
2. Khung CTĐT và kế hoạch giảng dạy	13
3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CDR của CTĐT	16
4. Mô tả các học phần trong CTDH	18
4.1. Mô tả chung từng học phần	18
4.2. Đề cương chi tiết học phần.....	27
5. Phương pháp giảng dạy - học tập	27
6. Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh	29
7. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm	29
7.1. Phương pháp đánh giá	29

7.2. Công cụ, chí đánh giá	1
7.3. Hệ thống tính điểm đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học.....	5
E. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	6
8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập	6
8.1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT	6
8.2. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo.....	6
F. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	6

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán.....	3
Bảng 2: Mối tương thích giữa mục tiêu cụ thể CTĐT với Triết lý giáo dục của Nhà trường.....	5
Bảng 3: Quan hệ giữa mục tiêu cụ thể CTĐT Kế toán với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.....	6
Bảng 4: Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs	6
Bảng 5: Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam	9
Bảng 6: Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam....	10
Bảng 7: Các khối kiến thức và số tín chỉ.....	13
Bảng 8: Khung chương trình và kế hoạch giảng dạy trong CTĐT	13
Bảng 9: Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CDR của CTĐT.....	16
Bảng 10: Phương pháp giảng dạy - học tập thực hiện trong CTĐT.....	27
Bảng 11: Sự tiêu tương thích giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT	1
Bảng 12: Thang đánh giá năng lực/mức độ.....	1

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Tiêu đề	Nội dung
1.	Tên CTĐT (Tiếng Việt)	Thạc sĩ kế toán
2.	Tên CTĐT (Tiếng Anh)	Master of Accounting
3.	Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4.	Ngành đào tạo	Kế toán
5.	Mã ngành	8.34.03.01
6.	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh theo quy định tại Điều 6 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên
7.	Thời gian đào tạo chuẩn	2 năm (04 học kỳ)
8.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	60 tín chỉ
9.	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Kế toán
10.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11.	Website	http://tueba.edu.vn http://khoaketoan.tueba.edu.vn/
12.	Thang điểm	Thang điểm 10
13.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Thạc sĩ Kế toán Tiếng Anh: Master of Accounting
14.	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học Tiến sĩ Kế toán, Tiến sĩ Quản lý kinh tế, Tiến sĩ QTKD
15.	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT thạc sĩ kế toán của Học viện tài chính, Kinh tế quốc dân và Đại học thương mại.
16.	Thông tin kiểm định CTĐT	CTĐT..... đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết

		định số:..... (Nếu CTĐT chưa được kiểm định thì bỏ trống nội dung này)
17.	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 09/2024

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN, SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG/KHOA

1. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được phát biểu:
Sáng tạo - Thực tiễn - Hội nhập

2. Tâm nhìn, sứ mạng

a. Tâm nhìn

Tâm nhìn của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh: “*Trở thành một trường đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý*”.

b. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh xác định sứ mạng của Nhà trường là: “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước*”.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích; phát huy và sử dụng hiệu quả các kiến thức và kỹ năng trong điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán của các đơn vị.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- PO1: Học viên có kiến thức nâng cao về kinh tế; kiến thức tổng hợp, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.

- PO2: Cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và phân tích có độ phức tạp cao, có tính liên ngành.

- PO3: Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và phân tích một cách độc lập, sáng tạo.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT Thạc sĩ kế toán được xây dựng trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán

Người học khi tốt nghiệp thạc sĩ CTĐT ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh có khả năng:

Năng lực	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Thang đo (Bloom's)
Kiến thức	PLO1	Vận dụng được những kiến thức nâng cao về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	3
	PI1.1	Vận dụng được những kiến thức về đường lối, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc một cách hiệu quả	3
	PI1.2	Vận dụng được những kiến thức về định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam để giải quyết các công việc trong thực tiễn	3
	PLO2	Vận dụng được kiến thức lý thuyết vững chắc và kiến thức thực tế sâu rộng để giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.	3
	PI2.1	Thực hiện được công việc thu thập, tổng hợp các dữ liệu phức tạp về kế toán, kiểm toán trong thực tế.	3
	PI2.2	Giải quyết được các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.	3
	PLO3	Sử dụng kiến thức nâng cao về tài chính, quản trị và quản lý để điều hành các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích.	3
	PI3.1	Sử dụng các kiến thức nâng cao về tài chính, quản trị và quản lý để lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn	3
	PI3.2	Sử dụng các kiến thức về tài chính, quản trị, quản lý để giải quyết công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích	3
Kĩ năng	PLO4	Thành thạo các kỹ năng làm việc chuyên môn cao về kế toán, kiểm toán trong điều kiện phức tạp	3

	PI4.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình, và thuyết phục tốt để phục vụ công việc chuyên môn sâu của lĩnh vực kế toán, kiểm toán	3
	PI4.2	Thành thạo trong làm việc nhóm, thể hiện năng lực làm việc độc lập ở mức cao trong điều kiện khối lượng công việc phức tạp.	3
	PLO5	Vận dụng linh hoạt các kĩ năng nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, kiểm toán	3
	PI5.1	Thực hiện thuyết trình, giao tiếp tốt để giải thích, biện luận được kết quả nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán	3
	PI5.2	Thể hiện thông tin tới người nghe rõ ràng, mạch lạc, súc tích kết quả nghiên cứu, thảo luận về kế toán, kiểm toán	3
	PLO6	Thành thạo các nghiệp vụ chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để điều hành công việc một cách hiệu quả	3
	PI6.1	Thành thạo trong phân tích, đánh giá điều kiện môi trường để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kế toán, kiểm toán một cách hiệu quả.	3
	PI6.2	Xác định được những điểm mạnh cần phát huy, điểm yếu cần khắc phục trong công tác kế toán, kiểm toán tại đơn vị. Đưa ra được kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong chuyên môn, nghiệp vụ.	3
	PLO7	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác chuyên môn	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	PLO8	Tuân thủ pháp luật trong môi trường học tập và làm việc. Có ý thức về đạo đức, sẵn sàng tham gia học tập suốt đời	3
	PI8.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán	3
	PI8.2	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu; ý thức đạo đức nghề nghiệp cao.	3

	PLO9	Thể hiện được năng lực phát triển cá nhân trong môi trường làm việc phức tạp	3
	PI9.1	Thể hiện ý thức bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán	3
	PI9.2	Thể hiện rõ ràng định hướng phát triển cá nhân trong môi trường học tập và làm việc	3
	PLO10	Thể hiện được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.	3
	PI10.1	Giải thích được các vấn đề, công việc liên quan đến nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.	3
	PI10.2	Thể hiện được những ý kiến mang tính định hướng, ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.	3

III. Các ma trận thể hiện mối quan hệ

3.1 Ma trận tương thích giữa mục tiêu với Triết lý giáo dục của Nhà trường

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng tương thích với triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh và được thể hiện qua bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Mối tương thích giữa mục tiêu cụ thể CTĐT với Triết lý giáo dục của Nhà trường

Nội dung Triết lý giáo dục của Trường		Mục tiêu cụ thể CTĐT Kế toán
Sáng tạo	Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp	PO3
Thực tiễn	Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người	PO1
Hội nhập	Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững	PO2

3.2. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường và được thể hiện qua bảng 3 dưới đây:

Bảng 3: Quan hệ giữa mục tiêu cụ thể CTĐT Kế toán với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ 1, 2, 3 trong đó:

Mức 1: Chưa đáp ứng; Mức 2: Đáp ứng một phần; Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

STT	Mục tiêu cụ thể (PO)	Tầm nhìn	Sứ mạng
1	PO1: Học viên có kiến thức nâng cao về kinh tế; kiến thức tổng hợp, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.	3	3
2	PO2: Cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và phân tích có độ phức tạp cao, có tính liên ngành.	3	3
3	PO3: Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và phân tích một cách độc lập, sáng tạo.	3	3

3.3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thạc sĩ Kế toán được xây dựng đáp ứng với mục tiêu của CTĐT và được thể hiện tại bảng 4 dưới đây:

Bảng 4: Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs

POs	PLOs	PIs
PO1: Học viên có kiến thức nâng cao về kinh tế; kiến thức tổng hợp, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.	PLO1: Vận dụng được những kiến thức nâng cao về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	PI 1.1 : Vận dụng được những kiến thức về đường lối, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc một cách hiệu quả PI 1.2: Vận dụng được những kiến thức về định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam để giải quyết các công việc trong thực tiễn

	PLO2: Vận dụng được kiến thức lý thuyết vững chắc và kiến thức thực tế sâu rộng để giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.	PI 2.1: Thực hiện được công việc thu thập, tổng hợp các dữ liệu phức tạp về kế toán, kiểm toán trong thực tế. PI 2.2: Giải quyết được các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.
	PLO3: Sử dụng kiến thức nâng cao về tài chính, quản trị và quản lý để điều hành các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích.	PI 3.1: Sử dụng các kiến thức nâng cao về tài chính, quản trị và quản lý để lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn PI 3.2: Sử dụng các kiến thức về tài chính, quản trị, quản lý để giải quyết công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích
PO2: Cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và phân tích có độ phức tạp cao, có tính liên ngành.	PLO4: Thành thạo các kỹ năng làm việc chuyên môn cao về kế toán, kiểm toán trong điều kiện phức tạp	PI 4.1: Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình, và thuyết phục tốt để phục vụ công việc chuyên môn sâu của lĩnh vực kế toán, kiểm toán PI 4.2: Thành thạo trong làm việc nhóm, thể hiện năng lực làm việc độc lập ở mức cao trong điều kiện khối lượng công việc phức tạp.
	PLO5: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, kiểm toán	PI 5.1: Thực hiện thuyết trình, giao tiếp tốt để giải thích, biện luận được kết quả nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán PI 5.2: Thể hiện thông tin tới người nghe rõ ràng, mạch lạc, súc tích kết quả nghiên cứu,

		thảo luận về kế toán, kiểm toán
	PLO6: Thành thạo các nghiệp vụ chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để điều hành công việc một cách hiệu quả	PI 6.1: Thành thạo trong phân tích, đánh giá điều kiện môi trường để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kế toán, kiểm toán một cách hiệu quả. PI 6.2: Xác định được những điểm mạnh cần phát huy, điểm yếu cần khắc phục trong công tác kế toán, kiểm toán tại đơn vị. Đưa ra được kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong chuyên môn, nghiệp vụ.
	PLO7: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác chuyên môn	
PO3: Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và phân tích một cách độc lập, sáng tạo.	PLO8: Tuân thủ pháp luật trong môi trường học tập và làm việc. Có ý thức về đạo đức, sẵn sàng tham gia học tập suốt đời	PI 8.1: Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán PI 8.2: Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu; ý thức đạo đức nghề nghiệp cao.
	PLO9: Thể hiện được năng lực phát triển cá nhân trong môi trường làm việc phức tạp	PI 9.1: Thể hiện ý thức bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán

		PI 9.2: Thể hiện rõ ràng định hướng phát triển cá nhân trong môi trường học tập và làm việc
	PLO10: Thể hiện được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.	PI 10.1: Giải thích được các vấn đề, công việc liên quan đến nghiệp vụ kế toán, kiểm toán. PI 10.2: Thể hiện được những ý kiến mang tính định hướng, ứng dụng cho các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.

3.4. Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Khung trình độ Quốc gia

Bảng 5: Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6–Cao học)

Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan</p> <p>KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý</p>	<p>KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.</p> <p>KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác</p> <p>KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.</p> <p>TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.</p> <p>TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p>

Chuẩn đầu ra của CTĐT Kế toán được xây dựng đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia (bậc 7) và được thể hiện tại bảng 6 dưới đây:

Bảng 6: Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ Quốc gia bậc 7											
	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm (TC)			
	<i>KT</i> 1	<i>KT</i> 2	<i>KT</i> 3	<i>KN</i> 1	<i>KN</i> 2	<i>KN</i> 3	<i>KN</i> 4	<i>KN</i> 5	<i>TC</i> 1	<i>TC</i> 2	<i>TC</i> 3	<i>TC</i> 4
<i>PLO1</i>	x											
<i>PLO2</i>		x										
<i>PLO3</i>			x									
<i>PLO4</i>				x								
<i>PLO5</i>					x							
<i>PLO6</i>						x						
<i>PLO7</i>								x				
<i>PLO8</i>									x			
<i>PLO9</i>										x		
<i>PLO10</i>												x

3.5. Tương thích giữa CĐR CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến của cựu người học

CĐR CTĐT Thạc sĩ Kế toán được rà soát, bổ sung, xây dựng dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của cựu người học nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và của thị trường lao động. Đối tượng khảo sát là cựu người học đã đi làm và có sử dụng kiến thức, kỹ năng học từ CTĐT thạc sĩ của nhà trường vào công việc chuyên môn hàng ngày tại cơ quan, đơn vị. Các ý kiến của cựu người học đã được tiếp thu và truyền tải vào CĐR của CTĐT. Kết quả khảo sát và tiếp thu ý kiến của cựu người học vào CĐR, CTĐT Kế toán (*Phụ lục 1: Báo cáo kết quả khảo sát cựu người học và truyền tải vào CĐR, CTĐT*).

4. Chuẩn đầu vào của CTĐT

4.1. Yêu cầu về văn bằng

Đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành phù hợp hoặc tương đương. Đối với người tốt nghiệp chương trình đại học phù hợp nhưng phải bổ sung kiến thức, số tín chỉ phải học bổ sung và danh mục học phần bổ sung kiến thức được thể hiện tại (*Phụ lục 2: Danh mục ngành phù hợp và số tín chỉ, học phần bổ sung kiến thức*).

4.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4.2.1. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục III Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/1/2022 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a) khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b) khi có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4.2.2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do đơn vị đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Người dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Anh thì phải đáp ứng các chuẩn tối thiểu trình độ tiếng Anh như quy định tại điểm c, d mục 4.2.1.

4.3. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Các đối tượng được đăng ký tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngay sau khi tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

- Các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải BSKT 30 tín chỉ hoặc các ngành không có trong danh sách ngành phù hợp (được quy định trong phụ lục 2) dự thi thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế và ngành Quản trị kinh doanh phải có ít nhất 01

năm kinh nghiệm kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

5. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán được xây dựng và ban hành theo định hướng Ứng dụng. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Tổng số tín chỉ của CTĐT là 60 tín chỉ. Thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa chương trình thạc sĩ của Trường ĐHK&QTKD: đối với hình thức chính quy là 2 năm, học viên có thể học vượt tiến độ, nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu là 1,5 năm; đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo. Học viên có thể học vượt tiến độ, nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu là 2 năm. Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học là 04 năm đối với hình thức chính quy và 4,5 năm đối với hình thức vừa làm vừa học. Mỗi năm học gồm hai học kỳ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện chung:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu.

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy định tại Phụ lục I trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

Điều kiện của CTĐT:

Để được xét tốt nghiệp, học viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2 Điều 27 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

2. Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên.

3. Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng hoặc xác nhận của người có thẩm quyền được

Hiệu trưởng giao nhiệm vụ về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản báo cáo giải trình, bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

4. Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Nhà trường và Trung tâm Học liệu thuộc ĐHTN.

D. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc CTDH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ. Trong đó phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 7.

Bảng 7: Các khối kiến thức và số tín chỉ

TT	Tên khối kiến thức	Số TC		
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức cơ bản	12	6	6
2	Khối kiến thức ngành	18	9	9
3	Kiến thức chuyên ngành	15	9	6
	<i>Thực tế thực tập</i>	6	6	0
	<i>Đề án/ luận văn tốt nghiệp</i>	9	9	0
	Tổng toàn khóa	60	39	21

Cấu trúc chương trình đào tạo thạc sĩ được cụ thể hóa thành khung chương trình, các học phần giảng dạy trong CTĐT thể hiện qua bảng 8 dưới đây:

2. Khung CTĐT và kế hoạch giảng dạy

Bảng 8: Khung chương trình và kế hoạch giảng dạy trong CTĐT

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CDR	Năm	
				LT	TH		1	2
I	Khối Kiến thức cơ bản		12					
1.1	Học phần bắt buộc		6					
1	Triết học Mác - Lênin	PH 641	3	2	1	PLO1	x	
2	Phương pháp NCKH	MSR 631	3	2	1	PLO1; PLO5	x	

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CDR	Năm	
				LT	TH		1	2
1.2	Học phần tự chọn (Chọn 2 trong số 4 học phần)		6					
3	Phương pháp nghiên cứu trong kế toán	RMA631	3	2	1	PLO2; PLO4; PLO9	x	
4	Quản trị học nâng cao	MAN 631	3	2	1	PLO3; PLO8	x	
5	Luật kinh tế	MSR 631	3	2	1	PLO1; PLO6; PLO10	x	
6	Quản lý nhà nước về kinh tế	BFI 631	3	2	1	PLO1; PLO3; PLO6;	x	
II	Khối kiến thức ngành		18					
2.1	Học phần bắt buộc		9					
7	Lý thuyết kế toán	AAT 631	3	2	1	PLO2; PLO5; PLO9	x	
8	Lý thuyết kiểm toán	AUT 631	3	2	1	PLO2; PLO4; PLO10	x	
9	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	AAI 631	3	2	1	PLO2; PLO5; PLO8; PLO9	x	
2.2	Học phần tự chọn (Chọn 3 trong số 6 học phần)		9					
10	Kế toán quốc tế nâng cao	ECL 631	3	2	1	PLO2; PLO4; PL09	x	
11	Đạo đức kinh doanh và văn hoá tổ chức		3	2	1	PLO3; PLO4	x	
12	Tài chính phát triển	DEF 631	3	2	1	PLO2; PLO3; PLO5	x	

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CDR	Năm	
				LT	TH		1	2
13	Kiểm soát quản lý	MCO 631	3	2	1	PLO3; PLO5; PLO10	x	
14	Kiểm soát nội bộ nâng cao	AIC 631	3	2	1	PLO3; PLO5; PLO10	x	
15	Quản lý dự án	PMA 631	3	2	1	PLO2; PLO3; PLO5		
III	Khôi kiến thức chuyên ngành		15					
3.1	Học phần bắt buộc		9					
16	Kế toán tài chính nâng cao	AFA 631	3	2	1	PLO3; PLO4; PLO6; PLO8		x
17	Kế toán quản trị nâng cao	AMA 631	3	2	1	PLO2; PLO6; PLO8; PLO10		x
18	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	AAF 631	3	2	1	PLO2; PLO4; PLO9; PLO10		x
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 2 trong số 4 học phần)		6					
19	Phân tích BCTC nâng cao	PAF 631	3	2	1	PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO9		x
20	Kiểm toán nội bộ nâng cao	AAU 631	3	2	1	PLO2; PLO4; PLO9; PLO10		x

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CDR	Năm	
				LT	TH		1	2
21	Kế toán ngân hàng thương mại	CBA 631	3	2	1	PLO2; PLO5; PLO8; PLO10		x
22	Báo cáo tài chính hợp nhất	CFS 631	3	2	1	PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO9		x
3.3	Thực tế, thực tập, đề án tốt nghiệp		15					
23	Chuyên đề thực tập 1		3			PLO2; PLO3; PLO6, PLO10		x
24	Chuyên đề thực tập 2		3			PLO2; PLO3; PLO6, PLO10		x
25	Đề án tốt nghiệp		9			PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6; PLO8; PLO9; PLO10		x
Tổng tín chỉ toàn khóa			60					

3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CDR của CTĐT

Bảng 9: Ma trận đáp ứng giữa các học phần với CDR của CTĐT

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

- *Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*
- *Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*
- *Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

A (Assessment): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các CDR của CTĐT) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR của CTĐT và được ghi (M,A)

STT	Học phần	CDR CTĐT KẾ TOÁN (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Triết học Mác - Lênin	R									
2	Phương pháp NCKH	M, A				R					
3	Phương pháp nghiên cứu trong kế toán		R		R					R	
4	Quản trị học nâng cao			R					R		
5	Luật kinh tế	R					R				R
6	Quản lý nhà nước về kinh tế	R		R			R				
7	Lý thuyết kế toán		M			M, A				M	
8	Lý thuyết kiểm toán		M, A		M						M
9	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao		M			M, A			M	M	
10	Kế toán quốc tế nâng cao		M		M					M	
11	Đạo đức kinh doanh và văn hoá tổ chức			M	M						
12	Tài chính phát triển		M	M		M					
13	Kiểm soát quản lý			M		M					M
14	Kiểm soát nội bộ nâng cao			M		M					M
15	Quản lý dự án		M	M		M					
16	Kế toán tài chính nâng cao			M, A	M		M		M, A		

17	Kế toán quản trị nâng cao		M		M, A		M		M		M
18	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao		M		M					M, A	M
19	Phân tích BCTC nâng cao		M	M	M	M				M	
20	Kiểm toán nội bộ nâng cao		M		M					M	M
21	Kế toán ngân hàng thương mại		M			M			M		M
22	Báo cáo tài chính hợp nhất		M	M	M	M				M	
23	Chuyên đề thực tập 1		M	M			M, A				M
24	Chuyên đề thực tập 2		M	M			M				M, A
25	Đề án tốt nghiệp		M	M	M	M, A	M		M, A	M	M

4. Mô tả các học phần trong CTDH

4.1. Mô tả chung từng học phần

* Học phần 1: Triết học

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần Triết học dành cho hệ cao học có 8 chương thông qua đó nhằm giới thiệu khái luận về triết học, các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật và quan điểm duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật. Qua học tập, nghiên cứu học phần sẽ trang bị cho học viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp học viên có thể giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng, nâng cao trình độ tự giác trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo.

* Học phần 2: Phương pháp NCKH

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần song hành: *Kinh tế học nâng cao*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khoa Kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học nói chung một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Đồng thời, học phần còn tăng cường cho học viên các kiến thức cơ bản về kết cấu, văn phong cũng như hình thức trình bày của một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và luận văn/ đề án tốt nghiệp thạc sĩ nói riêng

*** Học phần 3: Phương pháp nghiên cứu trong kế toán**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu trong Kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán, nhằm giới thiệu cho học viên những vấn đề lý luận về phương pháp nghiên cứu trong Kế toán – Kiểm toán nhằm giúp người học có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Học phần này giúp người học (i) trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành ý tưởng nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu, (ii) các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu, (iii) giới thiệu cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học. Đây là những kiến thức mà học viên đại học chuyên ngành kế toán chưa được đề cập đến hoặc đề cập chưa sâu trong chương trình đào tạo kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam.

*** Học phần 4: Quản trị học nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị học nâng cao thuộc CTĐT thạc sĩ QLKT và Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên kiến thức về quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Học phần giúp học viên có khả năng phân tích và ra quyết định các vấn đề trong bối cảnh nhiều thay đổi của môi trường. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết xung đột, xây dựng chiến lược đàm phán và truyền thông trong tổ chức.

*** Học phần 5: Luật kinh tế**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Luật Kinh tế là học phần tự chọn của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế phát triển theo định hướng ứng dụng. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về Luật Kinh tế ở Việt Nam; việc sử dụng công cụ pháp luật trong quản lý, vận hành doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác trong nền kinh tế; Các vấn đề pháp lý về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại; các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; các vấn đề cơ bản về phá sản doanh nghiệp.

*** Học phần 6: Quản lý nhà nước về kinh tế**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào việc nghiên cứu vai trò, chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay theo quan điểm chiến lược của Đảng; Các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô; Mục tiêu của quản lý nhà nước về kinh tế trong bối cảnh hội nhập và nhiều biến động. Tìm hiểu về bộ máy, đội ngũ cán bộ cũng như các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan và cán bộ công chức trong hoạt động quản lý nhà nước và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế trong giai đoạn hiện nay.

*** Học phần 7: Lý thuyết kế toán**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần lý thuyết kế toán thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức lý thuyết kế toán nâng cao như: Cách thức tiếp cận khoa học kế toán, các nền tảng lý thuyết kế toán cơ bản và hiện đại, các loại hình kế toán và xu hướng phát triển của kế toán hiện đại. Ngoài ra, học phần sẽ kế thừa nội dung nghiên cứu các phương pháp kế toán của chương trình đào tạo cử nhân, để hướng học viên tiếp cận theo mục tiêu phân tích bản chất và ý nghĩa của thông tin kế toán.

*** Học phần 8: Lý thuyết kiểm toán**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kế toán*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lý thuyết kiểm toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành được xây dựng trên cơ sở chọn lọc và phát triển nâng cao những kiến thức căn bản của kiểm toán của bậc đại học. Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản của kiểm toán được tiếp cận ở mức độ chuyên sâu hơn hoặc nâng tầm luận giải cao hơn nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hiện đại, có thể luận giải được những vấn đề lớn của kiểm toán nói chung, các loại hình kiểm toán và các giai đoạn trong quy trình kiểm toán nói riêng.

*** Học phần 9: Hệ thống thông tin kế toán nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kế toán, Lý thuyết kiểm toán*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hệ thống thông tin kế toán nâng cao sẽ giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu về một số nội dung hệ thống thông tin kế toán: tổ chức và xử lý dữ liệu theo mô hình Reaal để xử lý hoạt động kinh doanh; kiểm soát hệ thống thông tin kế toán; chu trình kinh doanh cơ bản; tổ chức hệ thống thông tin kế toán; phần mềm kế toán. Từ đó, giúp học viên đánh giá và tổ chức được hệ thống thông tin kế toán đặc biệt trong điều kiện tin học hóa và xây dựng hệ thống kiểm soát hiệu quả trong đơn vị.

*** Học phần 10: Kế toán quốc tế nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kế toán nâng cao*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế toán quốc tế nâng cao thuộc khối kiến thức ngành chương trình đào

tao Thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên các vấn đề về tổng quan kế toán quốc tế. Nội dung học phần này làm nền tảng để đối chiếu với khuôn mẫu lý thuyết kế toán của các quốc gia, là nền tảng để ứng dụng xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác kế toán thời kỳ hội nhập.

*** Học phần 11: Đạo đức kinh doanh và văn hoá tổ chức**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Đó vừa là sức ép, vừa là cơ hội để doanh nghiệp giữ vững thương hiệu trên thị trường. Trong đó, yếu tố đạo đức kinh doanh chính là giá trị cốt lõi, tạo niềm tin xã hội, với cán bộ nhân viên, đặc biệt tạo ra sự trường tồn của đội ngũ doanh nhân đất nước. Mỗi doanh nghiệp đều phải xây dựng đạo đức trong kinh doanh phù hợp với lĩnh vực sản xuất, có trách nhiệm với xã hội chính là góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng nhằm xây dựng văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong doanh nghiệp, tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa; bản sắc văn hóa cho doanh nghiệp trong các hoạt động giao tiếp với xã hội và cộng đồng.

*** Học phần 12: Tài chính phát triển**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính phát triển nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển tài chính và phát triển kinh tế, bao gồm các dòng vốn, các định chế tài chính, áp chế tài chính, tự do hoá tài chính, tài chính bền vững và tài cấu trúc hệ thống tài chính. Từ cơ sở lý luận, học phần giới thiệu cho người học những kiến thức thực tiễn về phát triển tài chính của Việt Nam và thế giới nhằm xây dựng và phát triển bền vững nền kinh tế quốc gia.

*** Học phần 13: Kiểm soát quản lý**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kiểm toán*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kiểm soát quản lý thuộc khối kiến thức ngành chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức sâu về kiểm soát quản lý, hiểu biết cơ sở lý thuyết về Kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức và trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý. Giới thiệu cho học viên các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu Kiểm soát quản lý, ứng dụng các nghiên cứu trong Kiểm soát quản lý, đồng thời, đề cập

đến kiểm soát quản lý trong một số đơn vị đặc thù như đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và tổ chức phi lợi nhuận.

*** Học phần 14: Kiểm soát nội bộ nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kế toán, Lý thuyết kiểm toán*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần Kiểm soát nội bộ nâng cao sẽ giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về một số nội dung kiểm soát hàng tồn kho, kiểm soát chi phí và giá thành, kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán; kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền; Kiểm soát chu trình ngân quỹ và kiểm soát chu trình tiền lương và nhân sự; các hoạt động kiểm soát nội bộ trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

*** Học phần 15: Quản lý dự án**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản lý dự án cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư xây dựng. Học phần giới thiệu tổng quan về các mô hình quản lý dự án, chủ thể quản lý dự án, lập kế hoạch dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng. Học viên được trang bị các kỹ năng lập, quản lý dự án các dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng

*** Học phần 16: Kế toán tài chính nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Phương pháp nghiên cứu trong kế toán; Lý thuyết kế toán*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế toán tài chính nâng cao thuộc trình độ đào tạo Thạc sĩ của khung chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên cao học những vấn đề chuyên sâu trong nghiên cứu các nguyên tắc, quy định của các đối tượng kế toán là TSCĐ, Bất động sản đầu tư, Hàng tồn kho, doanh thu và thu nhập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Đồng thời, học phần đi sâu về phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kế toán phức tạp liên quan đến các đối tượng kế toán trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Giúp cho học viên có những kỹ năng phân tích, xét đoán để xử lý các vấn đề phức tạp trong các giao dịch của kế toán tài chính.

*** Học phần 17: Kế toán quản trị nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kế toán*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kế toán quản trị nâng cao nhằm giới thiệu cho học viên một số nội dung chuyên sâu về kế toán quản trị như: kế toán quản trị chi phí, định giá sản phẩm, kế toán trách nhiệm và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

*** Học phần 18: Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Lý thuyết kiểm toán*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán nhằm giới thiệu cho học viên những kiến thức và kỹ năng về kiểm toán tài chính, được thiết kế thành các chuyên đề chuyên sâu và cập nhật các vấn đề tồn tại trong thực tế và nghiên cứu kiểm toán tại Việt Nam và trên thế giới bao gồm: trình tự, phương pháp và chất lượng của kiểm toán tài chính; các định hướng nghiên cứu trong nước và trên thế giới về lĩnh vực kiểm toán tài chính và mối quan hệ với các lĩnh vực khác.

*** Học phần 19: Phân tích BCTC nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Kế toán tài chính nâng cao*

- Học phần tiên quyết: *Lý thuyết kế toán*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phân tích báo cáo tài chính nâng cao là học phần tự chọn thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán.

Học phần Phân tích báo cáo tài chính nâng cao trang bị cho học viên những kiến thức thực tế chuyên sâu về phân tích Báo cáo tài chính: Phân tích khái quát tình hình tài chính, phân tích cấu trúc tài chính, phân tích khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh, phân tích rủi ro và dự báo tài chính. Từ đó, giúp người học có kỹ năng phân tích các thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp một cách đầy đủ. Đồng thời, học phần giúp cho học viên đưa ra được kết luận về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó, giúp nhà quản trị đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn và đạt hiệu quả cao.

*** Học phần 20: Kiểm toán nội bộ nâng cao**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Lý thuyết kiểm toán*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kiểm toán nội bộ nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành giảng dạy cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán. Học phần Kiểm toán nội bộ nâng cao cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao, chuyên sâu về kiểm toán nội bộ trong một đơn vị như: các vấn đề liên quan đến tổ chức KTNB trong doanh nghiệp, trình tự tổ chức một cuộc kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp; một số chuyên đề kiểm toán nội bộ; đặc điểm kiểm toán nội bộ trong một số lĩnh vực đặc thù như ngân hàng, xây dựng cơ bản, các cơ quan hành chính sự nghiệp.

*** Học phần 21: Kế toán ngân hàng thương mại**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kiểm toán, Hệ thống thông tin kế*

toán nâng cao

- Học phần tiên quyết: *Lý thuyết kế toán*

- Học phần song hành: *Kế toán tài chính nâng cao, Kế toán quản trị*

nâng cao, Kiểm toán BCTC nâng cao.

- Tóm tắt nội dung học phần:

*** Học phần 22: Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC

- Học phần học trước: *Kế toán tài chính nâng cao*

- Học phần tiên quyết: *Lý thuyết kế toán*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Báo cáo hợp nhất là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đào tạo thạc sĩ kế toán. Học phần này, trang bị cho học viên cao học những vấn đề lý luận về Báo cáo tài chính hợp nhất như nguyên tắc chung về Báo cáo tài chính hợp nhất, phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất và qui trình hợp nhất các Báo cáo tài chính hợp nhất trong các tập đoàn kinh tế qui mô lớn ở Việt Nam. Từ đó, có thể vận dụng vào việc lập và hợp nhất các Báo cáo tài chính trong các tập đoàn kinh tế qui mô lớn ở Việt Nam hiện nay. Đây là những kiến thức mà học viên đại học chuyên ngành kế toán chưa được đề cập đến trong chương trình đào tạo kế toán tại các trường đại học.

*** Học phần 23: Chuyên đề thực tập 1**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 GTC, số tiết thực hành (thảo luận): 18 GTC, Số tiết tự học: 54 GTC

- Học phần học trước: *Lý thuyết kế toán, Hệ thống thông tin kế toán, Kế toán tài chính nâng cao, Kế toán quản trị nâng cao.*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Chuyên đề thực tập 1 thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán sau khi học viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về kế toán và các kiến thức bổ trợ khác. Học phần giúp học viên tiếp cận thực tiễn, nâng cao khả năng xử lý và thực hiện công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kế toán như kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán, phân tích báo cáo tài chính...rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, rèn luyện kỹ năng ứng xử trong môi trường làm việc, kỹ năng thích nghi với cuộc sống sau khi tốt nghiệp

*** Học phần 24: Chuyên đề thực tập 2**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 GTC, số tiết tự học: 90 GTC

- Học phần học trước: *Các học phần trong CTĐT (trừ Chuyên đề thực tập và Đề án tốt nghiệp)*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Chuyên đề thực tập 1*

- Tóm tắt nội dung học phần: Chuyên đề thực tế 02 là học phần học phần bắt buộc của hệ đào tạo cao học Thạc sĩ Kế toán. Học phần được tổ chức vào học kỳ 4 năm thứ 2 sau khi học viên đã tích lũy đủ số tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu về kế toán-kiểm toán và các kiến thức bổ trợ khác trong chương trình đào tạo.

Học phần được thực hiện thông qua việc học viên đi thực tế tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phù hợp. Qua đó, học phần giúp học viên tiếp cận thực tiễn về công tác kiểm toán-kiểm soát một cách toàn diện, chuyên sâu; liên hệ và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị nhằm xử lý và thực hiện các công việc theo chuyên môn nghiệp vụ nghề nghiệp trong lĩnh vực kiểm soát, kiểm toán một cách độc lập, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc trong bối cảnh mới.

*** Học phần 25: Đề án tốt nghiệp**

Số tín chỉ: 9TC

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần song hành: *Không*

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần đề án tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán nhằm giúp học viên có điều kiện tiếp cận thực tế, vận dụng những kiến thức thực tế sâu rộng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích để tổng hợp, phân tích, đánh giá các hoạt động thực tiễn trong công tác kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính tại đơn vị nghiên cứu. Từ đó, giúp học viên đề xuất các giải pháp giúp đơn vị hoàn thiện hệ thống kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính tại đơn vị nghiên cứu. Đồng thời, học phần giúp học

viên đáp ứng đầy đủ chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán

4.2. Đề cương chi tiết học phần

- Đề cương chi tiết học phần giảng dạy trong CTĐT ngành Thạc sĩ Kế toán được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 3: Đề cương chi tiết học phần CTĐT ngành Thạc sĩ Kế toán

- Đề cương chi tiết học phần CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở đối sánh nội bộ với đề cương chi tiết học phần CTĐT năm 2022 Nhà trường; đối sánh với đề cương chi tiết học phần của các đơn vị đào tạo đại học: Đại học kinh tế quốc dân; Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học thương mại; Đại học ngoại thương; Trường Đại học Chang Jung Christian....

Kết quả đối sánh được thể hiện tại Phụ lục 4: Báo cáo đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về các học phần được rà soát và điều chỉnh.

5. Phương pháp giảng dạy - học tập

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, phương pháp giảng dạy của Nhà trường hướng tới phát huy tinh thần tự chủ, tự giác, tự nghiên cứu của người học; phát huy tính sáng tạo của giảng viên trong giảng dạy. Chú trọng pháp pháp giảng dạy – học tập chủ động và được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần. Phương pháp giảng dạy phải tương ứng với chuẩn đầu ra của học phần, qua đó góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán.

Các phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng trong CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán cụ thể qua bảng bảng 10 dưới đây:

Bảng 10: Phương pháp giảng dạy - học tập thực hiện trong CTĐT

TT	Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy	Mục đích	CĐR của CTĐT
I	Hình thức tổ chức đào tạo		
1	Giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp	Trang bị những kiến thức nền tảng cho người học, trực tiếp giải đáp các thắc mắc trực tiếp của người học	PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6; PLO8; PLO9; PLO10
2	Giảng dạy, học trực tuyến trên hệ thống LMS/LCMS	Tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu; trách nhiệm bản thân, nâng cao ý thức và trách nhiệm cho người học	PLO8; PLO9; PLO10

TT	Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy	Mục đích	CĐR của CTĐT
II	Phương pháp giảng dạy – học tập		
1	Thuyết giảng	Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng của các học phần một cách khoa học, logic và gợi mở cho người học cách thức chiếm lĩnh tri thức	PLO1; PLO2; PLO3; PLO6;
2	Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp và trao đổi các tình huống thực tiễn, giảng viên giúp người học hiểu rõ hơn các vấn đề khó, chuyên sâu hoặc những vấn đề còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn, từ đó giúp cho người học có chiếm lĩnh tốt hơn về lý luận. Bên cạnh đó còn giúp người học có được kỹ năng trình bày, kỹ năng tư duy phản biện	PLO4; PLO5; PLO9; PLO10
3	Bài tập cá nhân	Giúp người học hiểu rõ hơn kiến thức lý luận và bước đầu vận dụng vào thực tiễn. Đồng thời, thông qua bài tập cá nhân còn giúp người học rèn luyện khả năng tự chủ và trách nhiệm, trang bị kỹ năng trình bày, kỹ năng tư duy logic	PLO2; PLO4; PLO5; PLO8; PLO9; PLO10
4	Bài tập nhóm	Rèn luyện cho người học kỹ năng làm việc theo nhóm, tăng cường các kỹ năng diễn thuyết, thuyết trình, tinh thần hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó còn giúp cho người học hiểu sâu sắc hơn kiến thức lý luận và bước đầu vận dụng vào thực tiễn	PLO2; PLO4; PLO5; PLO8; PLO9; PLO10

TT	Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy	Mục đích	CĐR của CTĐT
5	Chuẩn bị bài và tự nghiên cứu	Giúp người học tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân, đồng thời rèn luyện và tăng cường năng lực tự chủ và trách nhiệm của bản thân	PLO4; PLO5; PLO8; PLO9; PLO10
6	Trải nghiệm, thực tế	Giúp người học tăng cường phương pháp tư duy, kiến thức về chuyên môn đào tạo; kỹ năng nghiên cứu, vận dụng lý thuyết vào giải quyết công việc trong thực tiễn. Đồng thời còn giúp người học rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân	LPO2; PLO4; PLO5; PLO6; PLO8; PLO9; PLO10

6. Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh

Chương trình đào tạo rà soát, cập nhật năm 2024 được đối sánh với các trường hợp sau:

- Đối sánh nội bộ: Đối sánh với CĐR và CTĐT năm 2022 của Nhà trường.
- Đối sánh trong nước: CĐR và CTĐT của Nhà trường được đối sánh với các đơn vị đào tạo khác.
- Đối sánh quốc tế (nếu có): chưa có

Kết quả đối sánh được thể hiện qua *Phụ lục 5: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh.*

7. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm

7.1. Phương pháp đánh giá

Đánh giá là quá trình ghi lại, lưu trữ và cung cấp thông tin về quá trình học tập của học viên. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các phương pháp đánh giá được nêu rõ trong chương trình đào tạo này gắn với đề cương chi tiết từng học phần cấu thành nên chương trình đào tạo. Yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho sinh viên vào buổi học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán:

a. Đánh giá tiến trình

- *Đánh giá chuyên cần - Attendance Check (AM1)*

Cùng với tự học, việc có mặt thường xuyên của học viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của họ tới môn học đó.

- *Đánh giá bài tập - Work Assignment (AM2)*

Học viên được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa theo những tiêu chí đã thông báo từ trước.

- *Thuyết trình - Oral Presentation (AM3)*

Học viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể (rubrics).

- *Đánh giá hoạt động - Performance test (AM4)*

Học viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

- *Nhật kí thực tập - Journal and blogs (AM5)*

Học viên viết nhật kí thực tập trong suốt quá trình thực hành để phản ánh hiệu suất và kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là phương pháp chính để đánh giá sinh viên trong khoá thực tập.

b. Đánh giá tổng kết

- *Thi viết tự luận - Essay (AM6)*

Theo phương pháp đánh giá này, học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của khoá học.

- *Thi trắc nghiệm - Multiple choice exam (AM7)*

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là học viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- *Bảo vệ và thi vấn đáp - Oral Exam (AM8)*

Học viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần để đánh giá năng lực tổng thể của học viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có tiêu chuẩn đánh giá (rubrics) và được công bố.

- *Viết báo cáo - Written Report (AM9)*

Học viên được đánh giá thông qua các báo cáo, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

- *Thuyết trình cá nhân - Oral Presentation (AM10)*

Phương pháp đánh giá này rất giống với phương pháp thuyết trình song là đánh giá tổng kết (summative), được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khoá học).

- Đánh giá làm việc nhóm - Teamwork (AM11)

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học viên. Phiếu đánh giá nhóm và tiêu chí đánh giá được công bố rõ.

7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

a. Đánh giá tiến trình: Bao gồm: Đánh giá chuyên cần, thảo luận thuyết trình nhóm, bài tập cá nhân, kiểm tra định kỳ.

**Bảng 12: Thang đánh giá năng lực/mức độ
Rubric 1: Đánh giá chuyên cần**

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
Tham gia tiết học	50	Tham gia 96-100%	Tham gia 90-95%	Tham gia 86-89%	Tham gia 80-85%	Tham gia dưới <80%
Đóng góp tại lớp	30	Tích cực phát biểu xây dựng bài, trả lời tốt các câu hỏi	Thường xuyên phát biểu xây dựng bài, tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao.	Rất ít phát biểu xây dựng bài. Giáo viên chỉ định mới trả lời. Thường trả lời chưa tốt các câu hỏi	Không phát biểu xây dựng bài. Giáo viên chỉ định mới trả lời. Thường trả lời chưa tốt các câu hỏi	Không tham gia phát biểu, Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học. đi học muộn.
Tự học	20	Chuẩn bị bài đầy đủ bài được giao trước khi đến lớp	Chuẩn bị 80 - 95% bài được giao trước khi đến lớp	Chuẩn bị 60- 79% bài được giao trước khi đến lớp	Chuẩn bị 50- 59% bài được giao trước khi đến lớp	Chuẩn bị dưới 50% bài được giao trước khi đến lớp

Rubric 2: Đánh giá Thuyết trình theo nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
Tổ chức phối hợp nhóm	20	Xác định nhiệm vụ rất rõ ràng giữa các thành viên, Tích cực làm việc nhóm.	Xác định nhiệm vụ rõ ràng giữa các thành viên. Thường xuyên làm việc nhóm.	Xác định nhiệm vụ khá rõ ràng giữa các thành viên. Thỉnh thoảng làm việc nhóm	Xác định nhiệm vụ không rõ ràng giữa các thành viên. Hiếm khi làm việc nhóm.	Không xác định nhiệm vụ giữa các thành viên. Không tổ chức làm việc nhóm.
Trình bày bài thảo luận	20	Bài thảo luận trình bày đẹp, đầy đủ, đúng trình tự, yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Bài thảo luận trình bày đúng trình tự, yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ (chính tả, nhầm lẫn ghi chú, giải thích)	Bài thảo luận trình bày chưa đúng trình tự, yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi (chính tả, nhầm lẫn ghi chú, giải thích)	Bài thảo luận trình bày lộn xộn, không đúng trình tự, yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn nhiều lỗi chính tả. Ghi chú, giải thích không phù hợp	Không có bài thảo luận để trình bày
Nội dung bài thảo luận	60	Nội dung bài thảo luận đầy đủ, rõ ràng, hợp lý, đúng yêu cầu nhiệm vụ, có thêm các nội dung liên quan	Nội dung bài thảo luận đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung bài thảo luận đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn	Nội dung bài thảo luận không đầy đủ. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Không có nội dung hoặc nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
		đóng góp vào việc mở rộng kiến thức của chủ đề.		một số sai sót trong nội dung.		

Rubric 3: Đánh giá Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
Nộp bài tập	20	Nộp đầy đủ số lượng bài tập được giao. Nộp đúng thời gian quy định	Nộp đầy đủ số lượng bài tập được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định	Nộp 90% số lượng bài tập được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Nộp chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
Trình bày bài tập	20	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp	Không có bài tập

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
				nhỏ trong trình bày		
Nội dung bài tập	60	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong nội dung	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Không có nội dung bài tập

Rubric 4: Đánh giá Kiểm tra định kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn của bài kiểm tra định kỳ	100	Đáp ứng từ 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng từ 70% - < 85 % yêu cầu	Đáp ứng từ 50% - < 70% yêu cầu	Đáp ứng từ 40% - < 55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu

b. Đánh giá giữa kỳ:

Rubric 5: Đánh giá Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn của bài kiểm tra giữa kỳ	100	Đáp ứng từ 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng từ 70% - < 85 % yêu cầu	Đáp ứng từ 50% - < 70% yêu cầu	Đáp ứng từ 40% - < 55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu

c. Đánh giá cuối kỳ:

Rubric 6: Đánh giá cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC A	MỨC B	MỨC C	MỨC D	MỨC F
		(8,5-10)	(7,0-8,4)	(5,5-6,9)	(4,0 -5,4)	(0-3.9)
Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn của bài thi cuối kỳ	100	Đáp ứng từ 85% yêu cầu trở lên	Đáp ứng từ 70% - < 85 % yêu cầu	Đáp ứng từ 50% - < 70% yêu cầu	Đáp ứng từ 40% - < 55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu

7.3. Hệ thống tính điểm đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

a. Thang điểm

Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần

đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn)

b. Đánh giá học phần

Điểm học phần bằng tổng điểm các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Trọng số các điểm thành phần cụ thể như sau:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

c. Đánh giá toàn khóa học

Điểm trung bình chung toàn khóa học được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung toàn khóa học

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

E. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

8.1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT

Đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán được thể hiện tại Phụ lục 6: Danh sách giảng viên phụ trách và giảng dạy CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán.

8.2. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo

Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo được thể hiện qua các phòng thực hành và các hệ thống trang thiết bị quan trọng như thư viện, trang web... của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (*Phụ lục 7: Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh*).

F. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

CTĐT ngành Thạc sĩ kế toán được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21).

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết và thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu, đáp ứng CĐR CTĐT, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

CTĐT được rà soát và cập nhật 02 (hai) năm một lần hoặc khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa nộp bản báo cáo về Trường (qua Phòng Đào tạo) để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đỗ Thị Thuý Phương

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Báo cáo kết quả khảo sát cựu người học và truyền tải vào CDR, CTĐT.

Phụ lục 2: Danh mục ngành phù hợp và số tín chỉ, học phần bổ sung kiến thức).

Phụ lục 3: Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT Thạc sĩ Kế toán

Phụ lục 4: Báo cáo đối sánh các học phần thuộc CTĐT Thạc sĩ Kế toán

Phụ lục 5: Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CTĐT được rà soát và điều chỉnh.

Phụ lục 6: Danh mục giảng viên phụ trách giảng dạy CTĐT Thạc sĩ Kế toán

Phụ lục 7: Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh).